

HỘI NHẬP VĂN HOÁ, VẤN ĐỀ HAY MẪU NHIỆM?

THẾ TÂM - NGUYỄN KHÁC DƯƠNG^(*)

Vấn đề hay mẫu nhiệm?

Những năm gần đây nhiều cuộc thảo luận, tọa đàm đã được tổ chức đề cập đến chủ đề hội nhập văn hoá. Để tránh khỏi sự trùng lặp những điều chúng ta đã đọc, đã nghe, đã bàn, ở đây tôi chỉ nêu lên câu hỏi như sau: “Có cách nào khác với cái cách mà chúng ta thường dùng để bàn đến chủ đề này không?”.

Để thử tìm câu trả lời, tôi đưa vào sự phân biệt các sự việc của nhà triết học Gabriel Marcel chia các sự việc ra làm hai loại: một loại được gọi là: Problème (tạm dịch là “Vấn đề”); một loại được gọi là: Mystère (tạm dịch là “Mẫu nhiệm”).

Vấn đề (Problème) là những sự việc mà ta có thể tách rời ra khỏi bản thân mình, ném ra trước mặt xem như là những khách thể (objet) thậm chí như đồ vật (chose) để khảo sát, phân tích lí giải một cách rõ ràng, chính xác, khách quan; và lời giải đáp phải hoàn toàn không còn sót lại bất cứ một điều gì chủ thể; như trường hợp: Điện tích một hoá chất, giải một bài toán hình học. Sau khi được giới thẩm quyền công nhận là đúng, lời giải đáp ấy trở thành công thức như định lí toán học hay định luật khoa học; ai cần dùng cũng đều có thể đem áp dụng cho mọi người, mọi nơi, mọi lúc theo kiểu áp dụng kĩ thuật.

Trái lại mẫu nhiệm (Mystère) là những sự việc gắn liền với bản thân chủ thể, có ngã vị, có tự do. Những câu hỏi được đặt về loại sự việc này thì chủ thể cũng là đối tượng của câu hỏi. Và lời giải đáp sẽ liên can đến bản thân chủ thể, có thể nói quyết định số phận của chủ thể; ví dụ như những câu hỏi sau đây: “Anh (hoặc em) có yêu anh (hoặc em) không?”; “Mặt này có thể chọn để gửi vàng được không?”; “Hoạt động của tổ chức này mình có nên tham gia hay không?”. Chúng ta đây, ai cũng biết có một câu hỏi có thể nói là vô cùng khủng khiếp, đó là câu mà Giêsu Nadarét đặt ra cho mọi người “Các người bảo ta là Ai”. Chúng ta cũng biết câu trả lời của Simon đã biến ông ta thành Phêrô và đưa ông đến chỗ chịu đóng đinh ngược đầu vào khổ giá. Câu trả lời của Caipha đưa ông ta đến chỗ xé áo mình mà đưa tuyên án tử hình cho con người vô danh tiểu tốt lại dám lộng ngôn tự xưng mình là con Thiên Chúa. Còn Philatô thì lơ lửng con cá vàng hỏi mấy câu vớ vẩn: “Chân lí là gì?”, “Ông có phải là vua Do Thái không?” rồi rửa tay phủ trách nhiệm.

*. Công giáo với hội nhập văn hoá luôn là chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Trong số này Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo* xin đăng bài với chủ đề trên theo nhân quan của một người Công giáo (Tu hội Bác - Ái., TP. Hồ Chí Minh) để bạn đọc tham khảo. Bài đã đăng trên Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, số 100 tháng 4 năm 2003.

Phân biệt ra như vậy, cho rõ ràng chứ trong hiện thực sự việc nào cũng có hai chiều kích vấn đề và mâu nhiệm; khác nhau là ở chỗ tỉ lệ của hai chiều kích ấy ít hay nhiều mà thôi.

Chắc bạn đọc cũng đồng ý với tôi rằng, sự việc mà ta gọi là hội nhập văn hoá có tỉ lệ mâu nhiệm rất lớn, nếu không muốn nói chỉ là mâu nhiệm, vì văn hoá và tôn giáo đều chi phối toàn thể cuộc sống của con người (cá nhân cũng như tập thể), từ những bản năng thể lí cho đến những khát vọng của tâm hồn, trong những nơi những lúc vô cùng phức tạp tế nhị và chỉ xảy ra có một lần không bao giờ lặp lại. Công việc hội nhập hai mâu nhiệm ấy với nhau sẽ là mâu nhiệm lưỡng thừa hai. Quả là nan giải, khác nào lạc vào một mê hồn trận tìm lối ra không phải là dễ. Chính vì thế mà chúng ta có xu hướng tìm giải pháp dễ dàng, phi mâu nhiệm hoá nó, chỉ lưu tâm đến chiều kích vấn đề của sự việc. Ta có xu hướng khách thể hoá, thậm chí đồ vật hoá văn hoá và đức tin cho dễ bề thao tác trong việc hội nhập mà ta làm theo cung cách pha trộn hai chất liệu nào đó với nhau.

Làm như vậy, e rằng không ổn vì chúng ta quên đi rằng văn hoá và đức tin không là một vật nào cả, nhưng là chính cuộc sống nào đó của những con người độc nhất vô nhị có tự do, tự quyết, tự thể hiện chính mình, gần như là tự sáng tạo lấy chính mình. Chính xu hướng ấy làm cho chúng ta chỉ chú tâm đến những sản phẩm hữu hình đã tách ra khỏi bản thân đời sống của chủ thể. Như vậy chúng ta chỉ nắm được những đồ vật là những sản phẩm (dù là một kiệt tác hay chỉ đáng là vật phế thải) chứ không nắm bắt được văn hoá (đáng lẽ ra nên dùng từ “Thông

dự” vào chính sinh hoạt sáng tạo của con người trong chiều kích nhân sinh). Sinh hoạt hội nhập văn hoá không ở trong ngôi thánh đường Phát Diệm đã được xây cất, song ở chính trong con người của nhà kiến trúc là Linh mục Trần Lục (nay đã là người thiên cổ từ lâu) cũng như nó không nằm trong bài thơ Ave Maria của Hàn Mạc Tử đã được ghi chép bằng những kí hiệu là những mẫu tự Latinh trên tờ giấy trắng, song ở trong chính tâm hồn của thi nhân (nay cũng đã là người thiên cổ). Đó là đứng về phía người sáng tác.

Đứng về phía người cảm thụ thì cũng vậy, phải là người có một trình độ văn hoá nào đó mới nhìn ra cái kì diệu của ngôi thánh đường và của bài thơ. Cho nên nếu có một người có quan niệm sinh là khổ thì khi nhìn ngắm một bức tranh Giáng sinh thay vì tràn ngập niềm vui có lẽ sẽ ngậm ngùi xót thương cho một kiếp nhân sinh lại bước vào vòng oan nghiệt. Đọc bài kinh *Hiến Dâng cho Tình Yêu Thiên Chúa của Têrêxa Hải Đòng* mà nếu có tư tưởng vô ngã thì có lẽ sẽ xót thương cho thiếu nữ tư sản Tây phương ở thế kỉ XIX còn đắm chìm trong ái dục và chấp ngã chứ làm sao đồng cảm được với mối tình say sưa ngây ngất giữa hai ngã vị: Giêsu Nadarét và Têrêxa Lisieux.

Thường chúng ta nghĩ rằng tác phẩm tạo nên với chất liệu nào đó là người con của các thiên tài; có lẽ không phải thế đâu. Người con của các tác giả ấy là những con người nào, qua tác phẩm, cùng rung cảm với tác giả trở nên như được tác giả nhập hồn, sáng tác lại một cách tân kì có thể hoàn toàn khác với tác phẩm nguyên gốc, trong chính tâm hồn của họ và nếu đi xa hơn mà nhờ sự việc ấy, có

thể trở thành một tác giả cũng tài hoa tiếp tục sáng tạo những tác phẩm, về ngoại hình có thể hoàn toàn khác tác phẩm nguyên bản, nhưng ở cùng trong một dòng, một hệ quả tinh thần với tác giả đầu tiên. Chính đó là thiên tài của những bậc tài hoa hay những vị anh hùng thánh nhân, nhờ vậy họ trở nên là những vị khai sáng nên một truyền thống văn hoá hay tôn giáo, luôn sống động với dòng lịch sử của nhân loại. Con cháu của nhà thần hiệp vĩ đại Gioan Thánh Giá không phải là tác phẩm được ghi chép vào các ấn bản, mà là các tu sĩ nam nữ qua các thế hệ của hai dòng nam nữ Catminh.

Sự lầm lẫn nói trên kia đưa đến một hậu quả tai hại là: hễ nói đến hội nhập văn hoá là ta chỉ nghĩ đến việc mô phỏng, bắt chước một cách máy móc những tác phẩm trong quá khứ thay vì ta phải tự hỏi: nếu các tác giả của những tác phẩm tuyệt vời ấy, ngày nay mà sống lại vào thời điểm của chúng ta thì các vị ấy SẼ LÀM GÌ. Điều ấy đòi hỏi một trí tưởng tượng phong phú, một khả năng sáng tạo lớn lao. Trung thành với truyền thống nào đó là nhằm tới mục đích dựa vào các di sản của người xưa để cố gắng thấm nhuần cái hồn, cái thần của tác giả để tự mình nối tiếp sự nghiệp của các Ngài được biểu hiện dưới những hình hài hoàn toàn khác, mới; vì các tác phẩm chỉ là những cái xác không hồn, còn cái thần là một nguồn sống, có thể nói siêu thời gian vĩnh cửu luôn luôn đòi hỏi được thể hiện dưới những hình hài phong phú đặc thù. Ví dụ như: Tinh thần nghèo khó của Thánh Phanxicô Átxidi vào thời Trung cổ thì được biểu hiện dưới hình thức đi ăn xin; nhưng ở thời đại công nghệ thị trường thì phải được thể hiện dưới hình

thức đồ mồ hôi lao động tham dự vào thân phận của giai cấp công nông. Nếu ở thế kỉ XXI mà cứ đi hành khất như thời Trung cổ thì có thể là trái với tinh thần của vị thánh tổ. Nếu chỉ tái tạo lại nguyên xi nguyên mẫu là phục chế chứ không phải sống theo cái tinh thần, ý nguyện của người khai sáng. Vì vậy, nếu không tự mình thấm nhuần cái hồn của một nền văn hoá thì không thể nào sản xuất ra những tác phẩm có giá trị. Như chính bản thân mình có đẹp như Tây Thi, mỗi lần đau bụng nhăn mặt thì càng thêm kiều diễm, còn bản thân mình xấu như Đông Thi lại bắt chước nhăn mặt thì thiên hạ phải khùng khiếp tránh xa.

Hội nhập văn hoá thực sự là làm sao cho chính Đức Giêsu đang sống trong mỗi một người gần như tiếp tục cuộc nhập thế trong hình hài là nền văn hoá của con người ấy. Bản thân tôi thì nghĩ rằng việc hội nhập văn hoá đã được thể hiện từ lâu ở một mức độ cao nơi những người mẹ Công giáo, dù là ở chốn đồng chua nước mặn, nhưng vừa có dáng dấp của Mạnh Mầu vừa có phong thái gợi lên hình ảnh của Đức Mẹ Maria. Và tác phẩm của các Ngài là tầng tầng lớp lớp những anh hùng tử đạo, những linh mục, nhưng tu sĩ nam nữ hiến dâng cả cuộc đời mình cho Thiên Chúa và phục vụ đồng bào. Và sau hơn 50 năm, một tác phẩm biểu hiện chặng đường Thánh Giá một cách linh động đã xuất hiện trên triền dốc ven theo vực Nầm trên con đường số 8 chạy qua quê tôi (nơi mà cách đây không lâu bị một cơn lũ lụt gây xói lở trầm trọng) dưới nắng trưa hè gay gắt ngọn gió Lào cuộn cuộn, một em bé khoảng 14 – 15 tuổi vác một thân cây có lẽ gấp đôi trọng lượng của em từng bước một nặng nề đi lên, mồ

hôi nhỏ giọt. Tôi chạy lại ghé vai cùng em chung vác lên đỉnh. Bỏ khúc gỗ xuống ngồi nghỉ, tôi hỏi em: “Vác như vậy có mệt lắm không em?”. Em bé mỉm cười hồn nhiên trả lời: “Nhọc lắm anh ạ, nhưng so với Chúa Giêsu vác cây Thánh giá lên đỉnh núi Sọ thì có nhảm nhò gì”. Bản thân em lúc ấy không hề biết gì đến chuyện hội nhập văn hoá, nhưng tôi cho đó chính là một đỉnh cao của hội nhập văn hoá: một em bé vùng quê tôi giữa cảnh sắc thiên nhiên dưới chân núi Mông Gà bên dòng sông Phố, em bé kia đang cùng Chúa Giêsu tiếp diễn mầu nhiệm cứu độ. Tôi nghĩ rằng ít có bức tranh nào, bức tường nào đạt đến đỉnh cao như vậy, thế mà âm thầm lặng lẽ chẳng ai biết, chẳng ai hay.

Vậy, hội nhập văn hoá không phải cố gắng một cách duy ý chí khiên cưỡng bắt chước những tác phẩm đã được thể hiện trong quá khứ, mà chính mình phải làm sao cho một mặt thì mình không còn sống nữa mà như Thánh Phaolô đã nói: *“Chính Đức Kitô sống trong tôi”* và mình là kẻ làm mối cho Ngài, kết duyên phụ phụ với cái hồn văn hoá dân tộc cũng đang sống động trong chính mình. Qua vậy, hội nhập văn hoá không phải là phong trào có tính cách thời thượng, nếu không muốn nói a dua, mà là một đòi hỏi thiết yếu của mầu nhiệm nhập thể muốn được tiếp diễn ở khắp mọi nơi vào mọi lúc cuộc hôn phối giữa con một Thiên Chúa hằng hữu với toàn thể thụ tạo của Ngài vốn chỉ là từ cát bụi và biến thiên nơi dòng thời gian trong chính tâm hồn của những ai mở rộng cửa lòng đón nhận Ngài. Do đó, có lẽ từ “Hội nhập” chỉ phù hợp khi đem áp dụng vào tương quan chiều ngang giữa các nền văn hoá với

nhau mà thôi. Còn giữa đức tin Kitô giáo và các nền văn hoá thì có lẽ “Hôn phối” mới chính xác; và cũng như cuộc hôn phối nào nếu tốt đẹp thì đương nhiên sẽ sinh ra đàn con cái cháu chắt mà đứa nào cũng như hai chị em Thuý Kiều, Thuý Vân: “Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười” góp phần làm phong phú hoá cõi nhân thế, dù cái dữ có lộng hành đến đâu vẫn là thụ tạo phát xuất từ tình yêu của Thiên Chúa và đã được Ngài trừu mến cúi xuống khen rằng: “Tốt, rất tốt”. Rồi tất cả được thu gồm trong Đức Kitô sẽ được Chúa Cha phán rằng: “Đây là Con yêu dấu của Ta làm đẹp lòng Ta mọi đàng”.

Tóm lại, hội nhập văn hoá chỉ là tiếp diễn cuộc hôn lễ qua dòng lịch sử, chẳng những giữa nhân loại mà có thể nói giữa toàn thể vũ trụ thụ tạo và con Thiên Chúa sáng tạo. Mà mỗi tâm hồn tín hữu là phòng hoa chúc trong tiệc cưới Con Chiên. Các nền văn hoá qua sinh hoạt hội nhập của mỗi tín hữu, được thu gồm (Récapitulé) trong Đức Kitô, có thể xem như là những châu báu điểm tô cho tà áo cưới của tân nương thụ tạo được cứu độ từ trời ngự xuống như thành thánh Giêrusalem được đưa vào nơi vinh quang muôn thuở. Cho nên, một người Công giáo Việt Nam nếu từ thửa bé không được một bà mẹ nuôi ru ngủ bằng những lời ca ngâm truyện Kiều và những câu ca dao đầy chất thơ, không vui mừng khi thấy tà áo phụ nữ Việt Nam của bà, mẹ, chị đi chợ về thì làm sao sáng tác được những bài Thánh nhạc phẳng phát hồn thiêng của đất nước Việt Nam, và dù có điêu khắc tượng Đức Mẹ mặc quốc phục thì tà áo cũng khó lòng đạt đỉnh cao nghệ thuật.

Vậy phải làm thế nào cho tâm hồn người Công giáo Việt Nam thấm nhuần

cái hồn, cái thân của nền văn hoá Việt Nam trong chiều kích sâu xa của tâm linh. Xin được nêu lên một vài câu hỏi:

- Trong tầng lớp gọi là trí thức Công giáo Việt Nam hiện nay có mấy ai thấm nhuần văn hoá Ấn Độ, Trung Hoa cổ đại như Thánh Augustinô và Thánh Thomas d'Aquin thấm nhuần tư tưởng Platon và Aristote?

- Trong lúc các đại chủng sinh Tây phương đều nắm vững văn hoá cổ đại La-Hy trong những môn học gọi là “Les humanités gréco - latines” (tạm dịch là: Nhân văn học Hy Lạp-Latinh) thì trong các đại chủng viện Việt Nam có dành cho Khuất Nguyên, Đỗ Phủ, Lý Bạch, Nhạc Phi, Văn Thiên Tường thậm chí Hàn Thuyên, Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Yên Đỗ, Tản Đà một chỗ nào cho xứng hợp không?

- Rồi trong lớp người dưới 30 tuổi, nhất là ở thành phố có biết thưởng thức thực sự (chứ không phải chỉ tò mò đi dự một vài lễ hội cổ truyền) hát Chèo, hát Dặm, hò Huế, hát Bội, Cải lương không? Và ảnh hưởng những câu tục ngữ, châm ngôn của người xưa có thật sự chi phối cách xử kí tiếp vật hàng ngày từ những sinh hoạt tâm thường như: ăn, uống, ngủ, nghỉ, đi đứng cho đến trong những giây phút quan trọng hữu hi.

- Những nhân vật như Hỷ Đồng, Lưu Bình – Dương Lễ, từ Thức – Liễu Hạnh, Phan Trần có gọi lên một tâm tư nào, một cảm nghĩ nào không?

- Rồi hoa ngâu, hoa cà, hoa lý, hoa sim, rau ngò, rau húng, rau dền, rau má, rau mồng tơi, quả nhót, quả trứng cá, quả chùm ruột, con cá thia, con chuồn chuồn, con đĩa, con sâu róm, sâu đòng, con bò

cạp, con cà cuống, con đế, v.v... có để lại hình ảnh nào trong kí ức hay không?

- Rồi những từ rất tâm thường ví dụ như chữ AI trong câu: “*Nhớ ai ai nhớ bây giờ nhớ ai*”. Hay người vợ nông thôn gọi chồng: “*Ai ơi về ăn cơm*” và chồng hỏi: “*Cơm ai nấu*”, vợ trả lời: “*Ai nấu chứ ai nữa*” có làm cho tâm hồn người rung cảm nữa hay không? Tôi còn nhớ một giáo sư Đại học Sorbonne đã mở đầu giáo trình triết học về thời gian bằng cách phân tích ra cảm thức thời gian trong tâm hồn người Pháp rút ra từ một giới từ “À” khi so sánh hai từ “Jamais” (không bao giờ) và “À Jamais” (mãi mãi). Đã có ai so sánh hai chữ: “Ai” và “Gi” để tìm thấy ở đó một sự phân biệt mà mãi sau gần 300 năm các nhà thần học Công giáo ở Công đồng Nicée mới tìm ra để giải quyết câu hỏi nan giải về mâu nhiệm nhập thể là: “Persome” (Ai) và “Nature” (Gi).

Tôi mạo muội giả thiết rằng câu trả lời cho những câu hỏi trên là: “Không bao nhiêu, không mấy ai”, chỉ giả thiết để làm việc chứ không dám khẳng định. Nếu giả thiết ấy không sai thì ta thử tìm hỏi lí do vì đâu để tìm cách bổ khuyết. Xin được có vài cảm nghĩ (chứ chưa phải là suy tư) sau đây:

Vì nhiều lí do chủ quan và khách quan (mà không có thời gian để nêu ra đây) hình như tâm lí và tâm linh của người Công giáo Việt Nam có một cái gì đó làm cho nó khó bén rễ sâu vào văn hoá cũng như vào đức tin. Không phải bản chất là như vậy! Có cái gì đó làm cho tâm thức người Công giáo Việt Nam như một cái cây trồng trong chậu cảnh làm cho rễ không có lối đâm sâu, chứ không phải vì rễ thiếu sức sống. Cái chậu cảnh ấy là gì?

Thưa là môi trường sống của các cộng đồng Công giáo (phần đông trước kia thuộc về nông thôn), thường sống quây quần tụ tập với nhau trong những giáo xứ tổ chức theo cơ chế làng xã Việt Nam. Mà làng xã Việt Nam thường là một xã hội có dạng nào đó khép kín với hàng rào tre bao bọc xung quanh, đôi khi với cổng làng có vọng gác, người lạ khó lòng xâm nhập. Thời trước người ở làng xa đến ở thường bị gọi là dân ngụ cư, đôi khi ba bốn đời không được nhập tịch. Nhưng đồng bào bên Lương thì từ lâu đời đã thấm nhuần trong một nền văn hoá chung với 3 lớp phù sa chính là Tam giáo: Phật, Lão, Nho. Còn các giáo xứ được nuôi dưỡng bởi một đức tin đã lâu đời nhập (đúng hơn là hôn phối) với nền văn hoá Tây phương cho nên hồn của đức tin không còn nguyên sơ như thuở ban đầu, như lúc nó lần đầu tiên hôn phối với một nền văn hoá là nền văn hoá La-Hy. Người con đầu tiên sinh ra bởi cuộc hôn phối ấy là một sản phẩm quý giá vì đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa đức tin với nền văn hoá lần thứ nhất ấy, không thể tách rời ra yếu tố đức tin nguyên sơ.

Chúng ta không nên trách các vị thừa sai từ phương Tây đến đã ôm nguyên xi cái người con ấy truyền sang các châu lục khác như một công việc *thực dân* theo nghĩa là trồng người như trồng một giống cây vào đất mới. Cái đức tin ấy khi đem trồng vào đất mới đương nhiên là không hợp phong thổ cho nên cũng có phần èo uột. Quả vậy, về mặt đời sống cá nhân, người Công giáo Việt Nam rất sùng đạo, rất quảng đại, dũng cảm, “giữ đạo rất nghiêm túc và nếu cần, sẵn sàng chịu chết vì đạo”. Nhưng đó chỉ mới là về mặt lí trí thì đức tin vững, về mặt ý chí thì

kiên cường, nhưng về mặt tâm linh thì cần phải tự tìm hiểu lấy chính mình mà xem. Tôi xin đặt câu hỏi rằng: Sau mấy trăm năm truyền giáo đã có một linh đạo nào mà non sông nước Việt như hiện hình so sánh được với cảnh trí vùng “Ombrie” trong tinh thần Thánh Phanxicô Khó Nghèo, hay tinh thần khí khái của nhà Nho, phóng khoáng của Lão giáo, tĩnh lặng của Phật giáo, hiện rõ ra như hào hùng của hiệp sĩ thời Phục hưng ở Tây Ban Nha, hiện rõ ra trong linh đạo của Thánh Inhaxiô sáng lập dòng Tên, được thăng hoa trong sự nghiệp mở mang Nước Chúa thay vì mở rộng vương quốc Tây Ban Nha. Như vậy ngay chính đời sống đức tin trong chậu cảnh cũng thiếu một sự ăn sâu và vì vậy về văn hoá cũng có phần nông cạn thiếu chiều sâu. Hay nói đúng vì bị ngăn chặn bởi lớp sành của chậu cảnh chứ không phải bản chất của cây là yếu nhược.

Việc phải làm là phải đập vỡ chậu cảnh ấy thì đương nhiên một mặt rễ sẽ được cắm sâu vào lòng đất bản địa hút được nhựa sống phù hợp với phủ tạng của mình, sẽ giúp cho đời sống thiêng liêng là ngọn cây vươn cao lên và ngược lại ngọn cây khi đã vươn cao thì lại thu hút năng lượng của mặt trời giúp cho rễ càng mạnh càng ăn sâu vào đời sống bản địa. Chứ vẫn còn ở mãi trong chậu cảnh thì dù bản chất cây có dồi dào đến đâu thì ngọn tức là đời sống thiêng liêng, rễ là đời sống văn hoá cũng chỉ èo uột. May ra sinh ra được vài hoa quả có thể gọi là phần mậu mà thôi.

Như vậy, công việc của chúng ta nặng gấp đôi cái công việc của thế hệ Kitô giáo đầu tiên; vì trên đã nói, họ chỉ có việc hội nhập hạt giống đức tin nguyên sơ vào

tầng đất văn hoá đầu tiên. Còn ta thì phải cố gắng làm sao tách hạt giống đầu tiên nguyên sơ ra khỏi hình hài văn hoá bản địa như thuở ban đầu thì đưa con sinh ra mới khoẻ mạnh và thông minh. Cả hai công việc đều khó khăn và đầy chạm bẫy. Việc thanh lọc hình hài văn hoá thứ nhất để gạn lấy cái đức tin nguyên sơ ắt phải là rướm máu vì đã hôn phối cùng nhau. Có thể hoặc là thực sự hoặc bị nghi oan là rơi vào lạc đạo. Còn công việc thứ hai là cắm rễ đức tin vào bản địa văn hoá cũng vô cùng phức tạp vì nền văn hoá ấy cũng không còn nguyên sơ vì đã thấm nhuần trong cuộc hôn phối với các tôn giáo khác. Như vậy cũng đòi hỏi một việc gạn lọc để tách rời văn hoá bản địa nguyên trinh khỏi những yếu tố tín ngưỡng các tôn giáo khác. Nhưng đức tin của các tôn giáo khác và văn hoá bản địa cũng có thể kết hợp nhuần nhuyễn với nhau việc gạn lọc cũng phải rướm máu và rơi vào chạm bẫy hoặc thực sự hoặc bị vu oan là vong bản. Có thể nói chúng ta trong công việc gạn lọc hai chiều ấy như đứng giữa hai làn đạn bị công kích từ hai phía: một phía khiển trách là lạc đạo, một phía khiển trách là vong bản. Tất nhiên sẽ có người bị thương nặng và thậm chí phải chết. Nhưng tình huống ấy cũng đã xảy ra ở những thế kỉ đầu của lịch sử Giáo hội, với các phái lạc giáo đã gây ra biết bao nhiêu là bi kịch hoặc ngược lại như Hoàng đế Julien vì sợ phạm tội vong bản đã trở thành kẻ phản giáo thậm chí bách hại đồng đạo.

Có thể, nếu Hoàng tử Cảnh quả thật đã chịu phép Thánh tẩy, thánh tử đạo Hồ Đình Hy, nhà yêu nước Nguyễn Trường Tộ cũng phần nào sống với bi kịch ấy.

Nhưng chúng ta có thể xem giai đoạn đầy bi kịch tính của chúng ta hiện nay chỉ là bước quá độ như đêm dày giác quan và thần trí (nuit des sens et de l'esprit) có tác dụng cần thiết trong việc thanh lọc (voie purgative) là giai đoạn trung độ giữa giai đoạn khai minh (voie illuminative) là giai đoạn đón nhận đức tin thuở đầu sang giai đoạn thần hiệp (voie unitive) là giai đoạn cuối. Ví von một chút cho vui, giai đoạn đầu có thể xem như giai đoạn dặm ngõ cho đến lễ hỏi, mọi sự êm thấm, còn giai đoạn giữa có thể xem như (dân gian có câu: "Hỏi vợ thì cưới liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ dèm pha") là một giai đoạn bất ổn có thể đi đến chỗ tan vỡ; nhưng nếu quả có tình yêu sâu xa thực sự rồi cũng sẽ có ngày bước sang giai đoạn thứ 3 hôn lễ sẽ diễn ra tung bừng và sẽ sinh đông con nhiều cháu ưu tú thông minh. Có phải chăng, 3 giai đoạn ấy trong con đường thiêng liêng của mỗi tâm hồn cũng như trong lịch sử hội nhập văn hoá của mỗi dân tộc và của cả nhân loại thậm chí của cả vũ trụ, như Thánh Phaolô nói: "Dưới sự thúc đẩy của Thánh Thần, thụ tạo rên siết đang hướng về ngày con cái Thiên Chúa được giải phóng", chỉ là sự tiếp diễn của ba đợt mầu nhiệm trong chuỗi hạt Mân Côi mà nôm na gọi là: Những sự *Vui*, *Thương* và *Mừng* là lời kinh thu gọn lại chính thân phận của sự nghiệp của Đức Chúa Giêsu Kitô và Mẹ của Ngài trong ba mầu nhiệm cơ bản là: Nhập thể, Tử nạn và Phục sinh cộng với Thăng Thiên cộng với Mông Triệu. Tất cả chỉ vì một động cơ duy nhất có hai mặt: Tình yêu Thiên Chúa, tình yêu anh em trong văn hoá.

Tôi xin được kết thúc với lời của Thánh Augustino: "*Ama et Fac Quod Vis*".